

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HS-ST
Ngày: 05 - 01 – 2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn M;
2. Ông Phạm Phước Cường

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 102/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2022/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Phước TH (L), sinh năm 1990; tại thành phố K, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 09, khóm K, phường H, thành phố K, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; cha: Lê Phước T (chết), mẹ: Lê Thị H (chết); bị cáo là người duy nhất.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13-9-2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Nguyễn Văn N, sinh năm 1977; nơi cư trú: số 205/38 hẻm 205, tổ 14, khóm C, phường H, thành phố K, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Thị Mộng Trinh, sinh năm 1978; nơi cư trú: số 205/38 hẻm 205, tổ 14, khóm C, phường H, thành phố K, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người làm chứng:

- Nguyễn Quốc TH, sinh năm 1974; vắng mặt.

- Nguyễn Thanh M, sinh năm 1975; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 31-7-2022, Lê Phước TH đi bộ đến khu vực hẻm 118, Lê Lợi để tìm tài sản lấy trộm, khi đi đến nhà số 118/3 đường Lê Lợi, tổ 14, khóm Châu Quới 2, phường H, thành phố K nhìn thấy xe mô tô biển số 68C1 – 419.14 của Nguyễn Văn N đậu trước sân nhà, gấp sẵn chìa khóa, không người trông giữ, TH lén lút dẫn xe, nổ máy và điều khiển xe đến khu vực tổ 13, ấp Tây Hưng, xã Nhơn Hưng, huyện Tịnh Biên gặp Nguyễn Thanh M kêu bán xe, M không mua. Lúc này, có 01 người nam (không rõ lai lịch) đến hỏi mua xe giá 3.800.000 đồng, TH đồng ý bán. Số tiền có được TH mua ma túy sử dụng, tiêu xài hết. Phát hiện mất trộm N trình báo, Cơ quan công an mời làm việc, TH thừa nhận hành vi phạm tội; không thu hồi được xe.

Vật chứng thu giữ được: 01 đĩa DVD lưu trữ đoạn Video clip ghi lại diễn biến Lê Phước TH lấy trộm xe mô tô của Nguyễn Văn N; 01 mũ lưỡi trai màu đen ghi chữ “Versace” của Lê Phước TH sử dụng khi lấy trộm xe (đã bàn giao Cơ quan thi hành án hình sự).

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 549/KL-ĐG ngày 19-8-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố K, xác định: 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius màu đỏ đen, biển số 68C1 – 419.14, trị giá 7.000.000 đồng.

Ngày 13-9-2022, Cơ quan điều tra Công an thành phố K khởi tố vụ án, khởi tố bị can và Lệnh tạm giam đối với Lê Phước TH về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tại Cáo trạng số 109/CT-VKS-CD ngày 09-12-2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố Lê Phước TH về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo Lê Phước TH khai nhận do cần tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng nên đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo thống nhất theo định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đối với chiếc xe mô tô mà bị cáo đã chiếm đoạt, đồng ý bồi thường thiệt hại cho N + Trinh số tiền 7.000.000 đồng và trong lời nói sau cùng bị cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Chủ tọa công bố lại lời khai của bị hại Nguyễn Văn N; người liên quan Trần Thị Mộng Trinh; người làm chứng Nguyễn Quốc TH, Nguyễn Thanh M vắng mặt tại phiên tòa.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Phước TH về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định

tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 theo nội dung cáo trạng và phần bổ sung cáo trạng tại phiên tòa về trách nhiệm dân sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, học lực thấp, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm i, s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Phước TH từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định.

Về xử lý vật chứng:

- Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD lưu trữ đoạn Video clip ghi lại diễn biến Lê Phước TH lấy trộm xe mô tô của Nguyễn Văn N;

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 mũ lưỡi trai màu đen ghi chữ “Versace” của Lê Phước TH sử dụng khi lấy trộm xe do không còn giá trị sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo bồi thường cho N và Trinh số tiền 7.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng,

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[2] Về người tham gia tố tụng: Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2022/HSST-QĐ ngày 22-12-2022 thì bị hại tham gia tố tụng là Nguyễn Văn N.

Qua biên bản ghi lời khai ngày 28-12-2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K biên bản ghi lời khai ngày 28-12-2022 của Tòa án nhân dân thành phố K đối với Trần Thị Mộng Trinh. Bà Trinh có cung cấp giấy chứng nhận kết hôn với Nguyễn Văn N và xác định chiếc xe mô tô biển số 68C1 – 419.14 là tài sản chung của vợ chồng và có yêu cầu bị cáo bồi thường (giấy chứng nhận kết hôn số 576, quyền số 03/2002 cấp ngày 17-12-2002) và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K bổ sung về vấn đề bồi

thường thiệt hại. Do đó, cần xác định Trinh là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị hại và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[4] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận do cần tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng nên vào khoảng 19 giờ ngày 31-7-2022 bị cáo đi tìm tài sản lấy trộm, khi đi đến khu vực tổ 14, khóm Châu Quới 2, phường H phát hiện xe mô tô biển số 68C1 – 419.14 của Nguyễn Văn N đậu trước sân nhà, trên xe gắn sẵn chìa khóa, không người trông giữ. Bị cáo lén lút dẫn xe, nổ máy, điều khiển xe đến khu vực tổ 13, ấp Tây Hưng, xã Nhơn Hưng, huyện Tịnh Biên bán cho Nguyễn Thanh M, M không mua. Cùng lúc, có 01 người nam lạ mặt đến hỏi mua xe, bị cáo thỏa thuận bán với giá 3.800.000 đồng, số tiền có được bị cáo tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác gồm: biên bản khám nghiệm hiện trường và bản ảnh hiện trường ngày 13-9-2022 do Cơ quan điều tra Công an thành phố K lập; lời khai của bị hại, người làm chứng và kết luận định giá tài sản số 549/KL-ĐG ngày 19-8-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố K cùng những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Từ các chứng cứ trên có cơ sở xác định, khi phát hiện anh N sơ hở trong việc quản lý tài sản và lợi dụng chủ sở hữu mất cảnh giác bị cáo có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 68C1 – 419.14, trị giá 7.000.000 đồng.

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tại phiên tòa đối với bị cáo Lê Phước TH là có căn cứ, đúng pháp luật.

Quyền sở hữu là một trong những quyền cơ bản của mỗi công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Bị cáo đang ở độ tuổi lao động vì muốn có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng nên bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm

phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Xét, cần có mức hình phạt tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đồng thời, bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, học lực thấp, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có nghề nghiệp, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 đĩa DVD lưu trữ đoạn Video clip ghi lại diễn biến Lê Phước TH lấy trộm xe mô tô của Nguyễn Văn N tiếp tục lưu hồ sơ vụ án;

- Đối với 01 mũ lưỡi trai màu đen ghi chữ “Versace” của Lê Phước TH sử dụng khi lấy trộm xe. Tại phiên tòa, bị cáo xác định là đây là tài sản của cá nhân không còn giá trị sử dụng, không yêu cầu nhận lại. Xét, tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

(theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28-12-2022 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố K với Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố K)

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Văn N mất chiếc xe mô tô biển số 68C1 – 419.14 do bị cáo TH chiếm đoạt. Theo kết quả định giá tài sản xe mô tô có giá 7.000.000 đồng. N có yêu cầu nhận lại xe, Trinh (vợ N) đồng ý theo kết quả định giá và có yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 7.000.000 đồng. Chiếc xe mô tô biển số 68C1 – 419.14 do bị cáo TH chiếm đoạt không thu hồi được, Trinh (vợ hợp pháp của N) có yêu cầu bồi thường giá trị xe theo kết quả định giá. Xét, việc yêu cầu bồi thường là có căn cứ quy định tại Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo TH có trách nhiệm bồi thường cho N+Trinh giá trị tài sản đã chiếm đoạt là 7.000.000 (bảy triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

[9] Về vấn đề khác: Đối với người nam (không rõ lai lịch) mua xe mô tô dp TH trộm cắp đem bán, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo luật định.

Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo: Lê Phước TH phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Phước TH 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam ngày 13-9-2022 (*mười ba, tháng chín, năm hai nghìn không trăm hai mươi hai*)

Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 584, 585 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 mũ lưỡi trai màu đen ghi chữ “*Versace*” (đã qua sử dụng).

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28 tháng 12 năm 2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K với Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố K).

- Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD lưu trữ đoạn Video clip ghi lại diễn biến Lê Phước TH lấy trộm xe mô tô của Nguyễn Văn N.

- Buộc bị cáo Lê Phước TH có trách nhiệm bồi thường cho Lê Văn N + Trần Thị Mộng Trinh số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Điều 135, Điều 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lê Phước TH phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 350.000 (*ba trăm năm mươi nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại, người có quyền lợi liên quan vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Ngọc

